

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/HNGĐ-ST
Ngày 26/01/2018
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và ông Phan Văn Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Không

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và quyết định Hoãn phiên tòa số 74 ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1990 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1992 (Vắng mặt lần 2)

Đều trú tại: thôn N, xã T¹, huyện T², tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T₁, huyện T₂, tỉnh Thái Bình, sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Do tính tình không hợp,

vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chúng tôi sống ly nhiều năm nay, mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một 01 chung là Nguyễn Diệu C, sinh ngày 03/10/2011. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung ở với anh, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung : Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T₁, huyện T₂, tỉnh Thái Bình. Sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân gần 3 năm nay mỗi người một nơi. Nay anh D xin ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Diệu C, sinh ngày 03/10/2011. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung ở với anh D. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được nuôi con chung.

Về tài sản chung : Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn là chị Đặng Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn D và chị Đặng Thị T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng khi về chung sống với nhau mới được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và nhanh chóng không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh chị chỉ còn là hình thức vì trên thực tế anh D và chị T đã sống ly thân gần 03 năm nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. anh D xin ly hôn chị T là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh.

2. Về con chung: Anh D và chị T có 01 chung là Nguyễn Diệu C, sinh ngày 03/10/2011. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Xét đề nghị của anh D là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung Nguyễn Diệu C cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung : Anh D và chị T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Đặng Thị T

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Diệu C, sinh ngày 03/10/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D. Chị T có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, anh D không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai số 0001242 ngày 15/11/2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T₂ sang thi hành án phí. Anh D đã nộp xong án phí

5. Về quyền kháng cáo bản án : Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã T₁, huyện T₂, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THADS huyện T₂
- TAND tỉnh TB
- UBND xã T₁
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thế Tương

